

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Cơ;

Bà Nguyễn Hồng Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thuý A, sinh năm 1992, (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Lâm Chí D, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 15 tháng 02 năm 2022 của bà Nguyễn Thị Thuý A thể hiện:

Bà A và ông D tổ chức cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 22/04/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng ý kiến. Nay bà A yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và ông D có 02 con chung là Lâm Ngọc L, sinh ngày 14/8/2009 và Lâm Chí T, sinh ngày 09/10/2015, hiện 02 con đang sống với bà A. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Ông Lâm Chí D: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng Ông Lâm Chí D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

Tại tờ tường trình ngày 16/3/2022, con chung là Lâm Ngọc L trình bày: Khi cha mẹ ly hôn không còn sống chung với nhau cháu có nguyện vọng sống với mẹ là bà Nguyễn Thị Thuý A.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; còn đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Bà Nguyễn Thị Thuý A và Ông Lâm Chí D đã được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà A, ông D vắng mặt, bà A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thuý A và Ông Lâm Chí D.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà Nguyễn Thị Thuý A được ly hôn với Ông Lâm Chí D. Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung Lâm Ngọc L, sinh ngày 14/8/2009 và Lâm Chí T, sinh ngày 09/10/2015 cho bà Nguyễn Thị Thuý A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thuý A không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét và đề nghị tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà A, ông D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bà A, ông D vắng mặt, bà A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều

227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thuý A và Ông Lâm Chí D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thuý A và Ông Lâm Chí D tự nguyện kết hôn, được UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 59 quyền số 01 ngày 22/4/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thuý A và Ông Lâm Chí D là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện bà A yêu cầu ly hôn do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà A và ông D đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 nhưng đến nay không hàn gắn được, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà A và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thuý A.

[3] Về con chung: Bà A và ông D có 02 người con chung là Lâm Ngọc L, sinh ngày 14/8/2009 và Lâm Chí T, sinh ngày 09/10/2015. Khi ly hôn bà A yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, cháu Lâm Ngọc L cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, căn cứ theo nguyện vọng của con chung Lâm Ngọc L và yêu cầu của nuôi 02 con của bà A, Hội đồng xét xử giao con chung Lâm Ngọc L và Lâm Chí T cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thuý A không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] LỜI đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị Thuý A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thuý A được ly hôn với Ông Lâm Chí D.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thuý A được quyền trực tiếp nuôi con chung Lâm Ngọc L, sinh ngày 14/8/2009 và Lâm Chí T, sinh ngày 09/10/2015 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Ông Lâm Chí D được quyền thăm nom 02 con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thuý A không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thuý A phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009869 ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Nguyễn Thị Thuý A đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAD tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND thị trấn M (Theo GCNKH số 59 quyền 01 ngày 22/4/2010);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến